

Số: 174/QĐ-MNHH

Quảng Yên, ngày 02 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động
giáo dục trong thời gian nghỉ hè năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Hướng dẫn số 2593/SGDDĐT-KHTC ngày 19/09/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn số 9322/CTQNI-NVDTPC ngày 09/10/2024 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh V/v hướng dẫn chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Công văn số 3308/SGDDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 4737/UBND-GD ngày 07/10/2024 của UBND thị xã Quảng Yên V/v tăng cường công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 1126/PGDDĐT-KT ngày 18/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025;

Thực hiện Công văn số 527/PGDDĐT-CNTT ngày 14/5/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên V/v tăng cường thực hiện công tác bảo vệ trẻ em, phòng chống xâm hại, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước trẻ em;

Căn cứ Kế hoạch số 156/KH-MNHH ngày 29/5/2025 của Trường Mầm non Hoa Hồng về việc tổ chức quản lý các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong thời gian hè năm 2025;

Căn cứ Dự toán một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong hè năm 2025 của Trường Mầm non Hoa Hồng;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục hè 2025 của Trường Mầm non Hoa Hồng.

(Có biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Giao cho các bộ phận có liên quan công khai kết quả phê duyệt khoản thu, mức thu; tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch. Thực hiện quyết toán từng khoản thu, nếu sử dụng kinh phí không hết thì phải trả lại cho cha mẹ học sinh, không được chuyển tiếp sang năm học sau. Thông báo công khai kết quả thu, chi tới tất cả cha mẹ học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị; báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp theo phân cấp quản lý;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các bộ phận chuyên môn cùng toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Hoa Hồng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu :VT (01)/.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hiền Hòa

Phục lục

**KHOẢN THU, MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
TRONG THỜI GIAN NGHỈ HÈ 2025**

(Kèm theo Quyết định số 174/QĐ-MNHH ngày 02/6/2025 của Trường Mầm non Hoa Hồng)

STT	Khoản thu	Dự toán thu	Ghi chú
I	Tổ chức bán trú tại trường		
1	Thuê người nấu ăn	98.000đ/hs/tháng	Thu theo tháng
2	Tiền ăn: * Lương thực, thực phẩm	17.500đ/hs/ngày	Thu theo tháng (22 ngày x 17.500đ)
	* Tiền chi phí gián tiếp	2.500đ/hs/ngày	Thu theo tháng (22 ngày x 2.500đ)
II	Giáo dục mầm non ngoài giờ quy định		
	Trong thời gian nghỉ hè	460.000đ/hs/tháng	Thu theo tháng
III	Chi phí sử dụng điện điều hoà lớp học	37.000đ/hs/tháng	Thu theo tháng
IV	Tiền học thứ 7:	55.000đ/hs/ngày	Thu theo tháng (4 ngày x 55.000đ)
1	Tiền ăn: * Lương thực, thực phẩm	17.500đ/hs/ngày	Thu theo tháng (4 ngày x 17.500đ)
	* Tiền chi phí gián tiếp	2.500đ/hs/ngày	Thu theo tháng (4 ngày x 2.500đ)
2	Chăm sóc giáo dục ngày thứ 7:	35.000đ/hs/ngày	Thu theo tháng (4 ngày x 35.000đ)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
Trong thời gian nghỉ hè năm 2025

- Căn cứ Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Căn cứ Hướng dẫn số 2593/SGDDT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Căn cứ Công văn số 4737/UBND-GD ngày 07/10/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên V/v tăng cường công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025 ; Căn cứ Công văn số 9233/CTQNI-NVDTPC ngày 09/10/2024 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập;

- Thực hiện kế hoạch số 531/KH-PGDĐT ngày 15/5/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2025

- Căn cứ Kế hoạch số: 156/KH-MNHH ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Trường Mầm non Hoa Hồng "Kế hoạch Tổ chức quản lý, chăm sóc - giáo dục cho trẻ mầm non trong thời gian nghỉ hè năm 2025"

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 250 học sinh

- Tổng số lớp tham gia dịch vụ: 10 lớp

TT		ĐVT	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	7
1	Thuê người nấu ăn				24.590.160		49.180.320	
	Lao động hợp đồng	Người	4	6.027.000	24.108.000	2	48.216.000	
	Thuế TNDN	%	2		482.160	2	964.320	
2	Giáo dục mầm non ngoài giờ quy định (Hè)				115.003.948		230.007.896	
2.1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy: 20 gv x 9 giờ/ngày x 22	Giờ dạy	3960	23.233	92.002.680	2	184.005.360	Theo Phụ lục 4.1, 4.2, 4.3
2.2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)				20.618.900		41.237.800	Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác này, mức chi do đơn vị tự thỏa thuận
	- Lãnh đạo phụ trách + Hiệu trưởng (23 giờ/tháng)	Giờ	23	185.000	4.255.000	2	8.510.000	
	+ Phó hiệu trưởng (29 giờ/tháng)	Giờ	29	142.100	4.120.900	2	8.241.800	
	+Phó hiệu trưởng (34 giờ/tháng)	Giờ	34	121.500	4.131.000	2	8.262.000	
	- Kế toán (48 giờ/tháng)	Giờ	48	84.500	4.056.000	2	8.112.000	
	- Y tế (48 giờ/tháng)	Giờ	48	84.500	4.056.000	2	8.112.000	
2.3	Điện	KW	20	2.136	42.720	2	85.440	
2.4	Nước sinh hoạt	M3	3	13.216	39.648	2	79.296	
2.5	Thuế TNDN	%	2		2.300.000	2	4.600.000	
3	Tiền ăn			110.000.000	110.000.000	2	220.000.000	
3.1	Các chi phí lương thực, thực phẩm			96.250.000	96.250.000			Khối lượng lương thực, thực phẩm lấy theo các tháng liền kề trước đó
1	Bánh Lolie	Cái	248	2.000	496.000			
2	Bầu	Kg	41,8	25.000	1.045.000			
3	Bí đỏ	Kg	50	16.000	800.000			
4	Bí xanh	Kg	50	24.000	1.200.000			
5	Cà rốt	Kg	10	23.000	230.000			
6	Cà chua	Kg	10	28.000	280.000			
7	Củ cải đường	Kg	5	17.000	85.000			
8	Cua biển xay	Kg	15	75.000	1.125.000			
9	Đậu trắng	Kg	40	18.000	720.000			
10	Đỗ đen lòng xanh	Kg	15	65.000	975.000			
11	Đường kính trắng	Kg	20	23.000	460.000			
12	Dầu thực vật freda 1	Chai	15	50.000	750.000			
13	Thịt gà	Kg	67	135.000	9.045.000			

14	Gạo BC	Kg	1800	19.000	34.200.000		
15	Gạo nếp ngon	Kg	15	30.000	450.000		
16	Giá đỗ	Kg	20	25.000	500.000		
17	Gừng	Kg	1	50.000	50.000		
18	Hành Lá	Kg	5	35.000	175.000		
19	Hành khô	Kg	5	60.000	300.000		
20	Khoai tây	Kg	15	25.000	375.000		
21	Lạc	Kg	5	75.000	375.000		
22	Mì chính Ajinomoto	Kg	4	75.000	300.000		
23	Rau mùi ta	Kg	4	46.000	184.000		
24	Muối iốt	Kg	20	6.000	120.000		
25	Muróp	Kg	40	25.000	1.000.000		
26	Ngao	Kg	40	25.000	1.000.000		
27	Rau cải ngọt	Kg	10	30.000	300.000		
28	Rau đay	Kg	50	20.000	1.000.000		
29	Rau mùng tơi	Kg	50	20.000	1.000.000		
30	Rau ngót	Kg	40	38.000	1.520.000		
31	Quả su su	Kg	30	20.000	600.000		
32	Thịt bò	Kg	15	280.000	4.200.000		
33	Thịt nạc (vai)	Kg	180	125.000	22.500.000		
34	Tỏi	Kg	0,5	50.000	25.000		
35	Tôm bóc	Kg	5	160.000	800.000		
36	Trứng gà	Kg	400	4.000	1.600.000		
37	Vùng xát vỏ	Kg	5	75.000	375.000		
38	Xương	Kg	30	75.000	2.250.000		
39	Mỳ sò	Kg	30	32.000	960.000		
40	Giò	Kg	20	144.000	2.880.000		
3.2	Các chi phí gián tiếp			13.750.000	13.750.000		
	- Điện (KW)		10	2.136	21.360		
	- Nước (M3)		2	13.216	26.432		
	- Chất đốt (Bình)		13	465.000	6.045.000		
	- Vật dụng lau rửa vệ sinh:				5.457.000		
1	Nước rửa bát (can 3 lít)	Can	4	120.000	480.000		
2	Sắt đánh nồi, Lưới rửa bát	Cái	13	5.000	65.000		
3	Găng tay cao su	Đôi	15	25.000	375.000		
4	Găng tay li lông	Hộp	2	25.000	50.000		
5	Khăn lau tay	Cái	2	15.000	30.000		
6	Cây lau nhà	Cái	1	80.000	80.000		
7	Nước lau sàn 1 lít)	Chai	11	40.000	440.000		
8	Nước rửa tay	Lọ	11	35.000	385.000		
9	Giấy vệ sinh	Bịch	10	70.000	700.000		
10	Xà phòng	Gói	11	30.000	330.000		
11	Chổi quét nước, chổi bông	Cái	2	50.000	100.000		
12	Khẩu trang y tế	Hộp	2	50.000	100.000		
13	Nước lau kính	Lọ	1	50.000	50.000		
14	Xéng xúc rác	Cái	1	72.000	72.000		
15	-Thuế TNDN	%	2		2.200.000		

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Thuê người nấu ăn			
1	Tổng kinh phí chi Hè	Đồng	49.180.320	
2	Tổng số trẻ	Trẻ	250	
3	Tổng số tháng học	Tháng	2	
4	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/tháng (4=1/2/3)	Đồng	98.000	Không vượt quá quy định
	Giáo dục mầm non ngoài giờ quy định (Hè)			
1	Tổng kinh phí chi Hè	Đồng	230.007.896	
2	Tổng số trẻ	Hs/ lớp	25	
3	Tổng số tháng học	Tháng	2	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/tháng	1.980	198 giờ/tháng x 10 lớp
5	Tổng số giờ dạy/ năm(5=2*3)	Giờ dạy/năm	3.960	

3	Tổng số tháng học	Tháng	2	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/tháng	1.980	198 giờ/tháng x 10 lớp
5	Tổng số giờ dạy/ năm(5=2*3)	Giờ dạy/năm	3.960	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	58.083	Không vượt quá quy định
7	Số tiền thu 1 trẻ/giờ dạy (7=6/2)	Đồng	2.323	
8	Số tiền thu 1HS/tháng (8=7*198 giờ/tháng)	Đồng	460.000	
	<u>Tiền ăn</u>			
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	220.000.000	
2	Tổng số trẻ	Trẻ	250	
3	Tổng số tháng học	Tháng	2	
4	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/tháng (4=1/2/3)	Đồng	440.000	
5	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/ngày (5=4/22 ngày)	Đồng	20.000	Không vượt quá quy định

460.000

Ghi chú:

1/Tiền thuê người nấu ăn: Trẻ có tổng số ngày ăn trong tháng từ dưới 5 ngày trở xuống thu 12.000 đồng/ngày; Số ngày ăn từ 5 đến dưới ½ tổng số ngày trong tháng thì thu ½ mức thu; Số ngày ăn từ ½ tổng số ngày trong tháng trở lên thu cả tháng.

2/Giáo dục mầm non ngoài giờ quy định (trong thời gian nghỉ hè): Số trẻ có tổng số ngày học trong tháng từ dưới 5 ngày trở xuống thu 23.000 đồng/ngày; Số ngày học từ 5 đến dưới ½ tổng số ngày trong tháng thì thu ½ mức thu; Số ngày học từ ½ tổng số ngày trong tháng trở lên thu cả tháng).

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Đại diện công đoàn nhà trường

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

Giang Thị Thuý Nhung

Trần Thị Hải

Nguyễn Hiền Hoà





Phụ lục số 6

- ## I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Phần chi						Phần thu				Ghi chú
		Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Số học sinh	Mức thu (Học sinh/thán	Số thu cả năm		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền			Số tháng	Thành tiền	
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6=4*5					11
1	Tên thiết bị điều hoà các lớp											
	10 lớp : Điều hòa máy 12.000BTU; 1 giờ tiêu thụ 2,26Kw (1 máy x 2.712w : 1.200w)	Đồng	4339,2	2.136	9.268.531	2	18.536.073	250	37.000	2	74.000	Điện năng tiêu thụ của máy điều hoà cho 1 lớp học = công suất tiêu thụ điện/ giờ của thiết bị* số giờ học chính khoá * 1 tháng
	...											
	Tổng cộng:						18.536.073	250	37.000	2	74.000	

Ghi chú: Mức chi theo diện năng tiêu thụ thực tế trên đồng hồ đo điện năng lắp đặt riêng cho máy điều hoà nhiệt độ trong phòng học nhưng không vượt quá 37.000đ/tháng/HS

Phụ lục số 3
DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI GIỜ QUI ĐỊNH
Trong thời gian nghỉ hè năm 2025

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ Giáo dục MN ngoài giờ quy định
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ trẻ và các lớp học

A. Ngày thứ Bảy :

- Tổng số trẻ tham gia dịch vụ: 182 Trẻ

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy: 14 gv x 9 giờ/ngày x 4 ngày/tháng	Giờ dạy	504	40.445	20.384.280	2	40.768.560	Theo Phụ lục 4.1, 4.2, 4.3
2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)				4.935.700		9.871.400	Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác này mức
	- Lãnh đạo phụ trách - HT	Giờ	6	185.000	1.110.000	2	2.220.000	
	Phó HT	Giờ	7	142.100	994.700	2	1.989.400	
	Phó HT	Giờ	8	121.500	972.000	2	1.944.000	
	- Kế toán	Giờ	11	84.500	929.500	2	1.859.000	
	- Y tế	Giờ	11	84.500	929.500	2	1.859.000	
3	Điện	KW	4	2.136	8.544	2	17.088	Theo khối lượng tiêu thụ, sử dụng trong phục vụ học thêm (cách tính
4	Nước sinh hoạt	M3	2	13.216	26.432	2	52.864	
5	Thuế TNDN (2%)	%	2		127.400	2	254.800	
	Tổng cộng				25.482.356		50.964.712	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	50.964.712	
2	Số trẻ/ lớp	Hs/ lớp	26	
3	Tổng số tháng học	Tháng	2	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/tháng	252	36 giờ/tháng x 7 lớp
5	Tổng số giờ dạy/ năm(5=3*4)	Giờ dạy/năm	504	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	101.120	
7	Số tiền thu 1 trẻ/giờ dạy (7=6/2)	Đồng	3.889	Không vượt
*	Mức tiền thu 1 HS/ tháng	Đồng	140.000	quá quy định

Ghi chú: Do đặc thù của bậc học Mầm non

Tiền chăm sóc, giáo dục trẻ ngày thứ 7: Do đặc thù của cấp học Mầm non. Nếu có sự tăng hoặc giảm số lượng trẻ tham gia đăng ký chăm sóc, giáo dục trẻ ngày thứ 7 thì nhà trường sẽ điều chỉnh mức chi cho phù hợp theo sĩ số trẻ trên nguyên tắc thu đủ, chi đủ, quyết toán công khai

- a. Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ ngày thứ 7: Mức chi tối thiểu cho giáo viên trực tiếp giảng dạy 100.000đ/người/ngày; Tối đa không quá 500.000đ/người/ngày
b. Chi trả người quản lý dịch vụ: Mức chi tối đa không quá 600.000đ/người/ngày

Đại diện công đoàn nhà trường

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị


Giang Thị Thủy Nhung


Dương Văn Hữu


Trần Thị Hải


Nguyễn Hiền Hoà